

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2022/DS-ST**
Ngày 05-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trịnh Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng hợp tác” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 1981.

2. Bà Ngô Mộng N, sinh năm 1974.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Mộng N: Ông Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Đào Minh N2 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thùy L (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Ngô Mộng N trình bày:

Ngày 25/02/2019, vợ chồng ông bà cùng vợ chồng ông Đào Minh N2, bà Nguyễn Thùy L có lập Giấy thỏa thuận với nội dung vợ chồng ông bà đầu tư số

tiền 140.000.000 đồng để ông N2 và bà L mở đại lý vé số. Hàng ngày ông N2 và bà L có trách nhiệm giao tiền lời cho vợ chồng ông bà. Nếu ông N2, bà L không làm đại lý vé số nữa thì trong vòng 10 ngày phải hoàn trả số tiền mà vợ chồng ông bà đã đầu tư. Khoảng tháng 7 năm 2021 ông N2, bà L không làm đại lý vé số nữa nhưng không trả tiền số tiền đầu tư như thỏa thuận. Vợ chồng ông bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông N2, bà L hứa hẹn rồi cố tình né tránh không trả tiền. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu ông Đào Minh N2, bà Nguyễn Thùy L có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông bà số tiền 140.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Đào Minh N2 và bà Nguyễn Thùy L không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Hoàng N1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đào Minh N2 và bà Nguyễn Thùy L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N1, ông N2, bà L.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng hợp tác và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Ngô Mộng N thấy rằng:

Ngày 25/02/2019, vợ chồng ông Nguyễn Hoàng N1, bà Ngô Mộng N cùng vợ chồng ông Đào Minh N2, bà Nguyễn Thùy L lập Giấy thỏa thuận với nội dung ông N1, bà N đầu tư số tiền 140.000.000 đồng để ông N2 và bà L mở đại lý vé số. Hàng ngày ông N2 và bà L có trách nhiệm giao tiền lời cho ông N1, bà N. Khi nào ông N2, bà L không làm đại lý vé số nữa thì trong vòng 10 ngày phải hoàn trả số tiền mà ông N1, bà N đã đầu tư. Như vậy, hợp đồng hợp tác đầu tư giữa ông N1, bà N với ông N2, bà L được xác lập dựa trên tinh thần trên tinh thần tự nguyện, đảm bảo các nội dung của pháp luật, hình thức thể hiện bằng văn bản nên có hiệu lực theo quy định Điều 117 Bộ luật Dân sự, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên tham gia và buộc các bên phải thực hiện. Thực tế ông N2, bà L đã không còn làm đại lý vé số nên cần buộc ông N2, bà L hoàn trả số tiền ông N1, bà N đã đầu tư theo nội dung đã thống nhất trong Giấy thỏa thuận.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ ông N2, bà L nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Vì vậy,

Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 140.000.000 đồng. Do ông Đào Minh N2, bà Nguyễn Thùy L là vợ chồng nên phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông N2, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận cụ thể: $140.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.000.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 274, 275, 504, 507 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Ngô Mộng N. Buộc ông Đào Minh N2, bà Nguyễn Thùy L trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Ngô Mộng N số tiền 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Ngô Mộng N không phải chịu án phí sơ thẩm. Ông N1 và bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0010076 ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Ông Đào Minh N2, bà Nguyễn Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000 (bảy triệu) đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý